TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HC-ST
Ngày 05-8-2020
V/v khiếu kiện yêu cầu hủy biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu xin lỗi công khai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Chính

Ông Nguyễn Công Biên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Chính–Thư ký Toà án nhân dân quận kiến An, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HC ngày 14 tháng 12 năm 2018 về việc khiếu kiện yêu cầu hủy biên bản vi phạm hành chính, yêu cầu bồi thường thiệt hại, yêu cầu xin lỗi công khai, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 467/2020/QĐXXST-HC ngày 21 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 643/2020/QĐST-HC ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Hồng H; địa chỉ: Tổ T, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Người bị kiện:

+ Ủy ban nhân dân phường Đ; quận K, thành phố Hải Phòng; đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn C; chức vụ: Chủ tịch UBND phường Đ; có mặt

- Người làm chứng:

Ông Nguyễn Vũ H, ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Duy Đ, ông Bùi Văn C, bà Phạm Thị Việt T và ông Nguyễn Quang L, có mặt; ông Nguyễn Hùng S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 14/8/2018, đơn khởi kiện bổ sung, các bản tự khai, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện là ông Phạm Hồng H trình bày:

Bố đẻ của ông Phạm Hồng H là ông Phạm Văn K nguyên là Trưởng phòng Tổ chức của Xí nghiệp gạch M từ năm 1963. Khoảng năm 1970 ông K khai hoang diện tích đất 187,20m^2 tại thửa 74 tờ bản đồ 11 (306594-8-b) ở tổ dân phố T, phường Đ để trồng rau (toàn bộ thửa số 74 có diện tích là 375,1m^2). Đến năm 1991, bố mẹ ông chuyển ra địa bàn phường L sinh sống và không sử dụng diện tích đất này nữa nên ông Hải đã ra đó tiếp tục trồng rau màu. Năm 2013 ông H dựng 01 nhà khung bằng sắt quây tôn và tiếp tục trồng cây cối, hoa màu trên đất.

Ngày 18/4/2013 UBND phường Đ đã lập Biên bản yêu cầu ông Phạm Hồng H ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng. Tuy nhiên, do không được thông báo nội dung Biên bản nên ông vẫn tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất này. Ngày 09-02-2017 UBND phường Đồng H đã lập Biên bản vi phạm hành chính yêu cầu ông Hải tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Biên bản này đã kết luận gia đình ông H dựng căn nhà (bằng tôn) không có giấy phép xây dựng. Quá trình tham gia tố tụng vụ án Hành chính tại Tòa án thành phố Hải Phòng ông H mới biết Biên bản UBND phường Đ lập ngày 18/4/2013 là Biên bản số 03 và Biên bản lập ngày 09/02/2017 là Biên bản số 07.

Ông Phạm Hồng H không đồng ý nội dung của 02 Biên bản nêu trên và khởi kiện ra Tòa án nhân dân quận K yêu cầu giải quyết các vấn đề sau đây:

- Hủy Biên bản số 03 ngày 18/4/2013 về yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng.

- Hủy Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm.

- Buộc UBND phường Đ có trách nhiệm bồi thường số tiền đất bị thu hồi: 187,2m^2 x 35.000.000 = 6.552.000.000 đồng và giá trị căn nhà tôn bị tháo dỡ: 80m^2 x 3.000.000đ = 240.000.000 đồng

- Yêu cầu UBND phường Đ cải chính thông tin đã đăng tải công khai trên phương tiện thông tin đại chúng tại địa bàn phường Đ từ ngày 28/02/2017 đến ngày 05/3/2017 và xin lỗi công khai.

- Yêu cầu 08 người người tham gia lập Biên bản số 07 là: Ông Nguyễn Vũ H, ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Duy Đ, ông Bùi Văn C, bà Phạm Thị Việt T, ông Nguyễn Hùng S, ông Nguyễn Quang L bồi thường cho ông tiền tổn thất về tinh thần tương đương 10 lần mức lương cơ sở với số tiền 1.490.000 đồng x 10 tháng x 08 người = 119.200.000 đồng

Ông Phạm Hồng H yêu cầu TAND quận K hủy các Biên bản nêu trên vì các lý do sau đây:

- Các Biên bản này làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông H tại vụ án Hành chính của TAND thành phố Hải Phòng (vụ án này đã xét xử sơ thẩm và phúc thẩm);

ông Hải có được thông báo về việc đoàn công tác xuống làm việc, tại buổi làm việc ông có mặt nhưng ông không được biết việc UBND phường Đ lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông, đến khi Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ông mới biết (đoàn công tác có đến làm việc nhưng không lập biên bản tại hiện trường, đoàn lập ở đâu ông không biết và ông cũng không nhận được biên bản do phường lập).

- Ông Phạm Hồng H đã có trình bày tại UBND phường Đ về việc ông xây dựng căn nhà trên là để ở tạm trên đất ở hợp pháp và đã được HĐBT-GPMB quận K kiểm kê, kiểm đếm ngày 04-7-2013, có chữ ký và con dấu xác nhận của các thành viên HĐBT-GPMB.

- Nếu có hành vi xây dựng trái phép thì UBND phường Đ chỉ được lập biên bản vi phạm hành chính 01 lần, nhưng UBND phường Đ lại lập biên bản vi phạm hành chính 02 lần (biên bản số 03 và biên bản số 07)

- Biên bản số 07 đã lập khống, cụ thể là hành vi xây dựng nhà của ông không thực hiện trên thửa đất được ghi trong biên bản và các thành phần có tên trong biên bản không có mặt tại hiện trường, biên bản được lập thành 04 trang nhưng những người lập biên bản không ký vào các trang và không thể hiện rõ Biên bản được lập thành mấy bản.

- Ông Phạm Hồng H có được thông báo về việc UBND phường Đồng Hòa lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông, ông có mặt nhưng đoàn công tác không lập biên bản tại hiện trường.

- Số tờ bản đồ ghi trong biên bản số 03 lập ngày 18/4/2013 không đúng với số tờ bản đồ thời điểm đó ông đang sử dụng. Cụ thể ông sử dụng số tờ bản đồ số 11 nhưng trong biên bản vi phạm lại ghi là số tờ bản đồ số 112.

- Trong Biên bản có ghi đại diện lãnh đạo UBND phường Đ là ông Nguyễn Vũ H; chức vụ: Chủ tịch UBND phường Đ nhưng trong giấy mời lại ghi đại diện lãnh đạo UBND phường Đ là bà Trần Thị H; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND phường Đ. Ngày 09/02/2017 bà H không có mặt tại hiện trường.

- Vào thời điểm UBND phường Đ lập Biên bản số 07, ông Phạm Hồng H đã được cấp Căn cước công dân, nhưng Biên bản vẫn thể hiện số CMND của ông H mà không thể hiện số Căn cước công dân của ông H; Biên bản áp dụng sai điều luật (sử dụng nghị định 180/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2007 đã hết hiệu lực pháp luật); biên bản ghi tên bà Phạm Thị Việt T và ông Nguyễn Hùng S với tư cách là người dân tham gia chứng kiến, trên thực tế trong giấy mời UBND mời ông nhận được thì chỉ có tên bà Phạm Thị Việt T, không có tên ông Nguyễn Hùng S.

- Diện tích thửa đất số 74 tờ bản đồ số 11 gia đình ông sử dụng diện tích đất từ năm 1962, đến năm 2013 chưa có quyết định thu hồi đất của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì đất vẫn thuộc quyền quản lý sử dụng của gia đình ông, không phải là đất hoang bằng do UBND phường Đ quản lý

Đại diện hợp pháp của Uỷ ban nhân dân phường Đ trình bày:

Ngày 25/02/2011 UBND thành phố Hải Phòng có thông báo số 55/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng dự án phát triển giao thông đô

thị thành phố Hải Phòng. Ngày 26/5/2012 Ban quản lý dự án công trình giao thông vận tải, Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tiến hành bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho UBND quận K. Thực hiện công văn số 344/UBND-VP ngày 29/5/2012 của UBND quận K, ngày 02/6/2012 UBND phường Đ tiến hành xác định các mốc giới trên thực địa và giao cho các tổ dân phố quản lý thường xuyên kiểm tra. Ngày 18/4/2013, UBND phường Đ phát hiện ông Phạm Hồng H dựng nhà khung sắt quây tôn, mái lợp tôn trên diện tích đất ông Phạm Văn K (bố đẻ ông Phạm Hồng H) san lấp để trồng rau, diện tích đất này do UBND phường Đ quản lý tại tổ T phường Đ. Cán bộ chuyên môn của UBND phường Đ đã lập Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013. Thành phần cán bộ UBND phường gồm có: Ông Hoàng Ngọc L, ông Đặng Quang M, bà Trần Thị H là cán bộ địa chính-Đô thị, ông Bùi Văn H là tổ trưởng tổ T. Nội dung vi phạm: Ông H đã dựng nhà tôn khung sắt, quây tôn và lợp mái tôn mạ màu, diện tích 7,6mx11m, cao 2,95m không có giấy phép xây dựng, vị trí công trình trên thửa đất 74, tờ bản đồ sô 11, diện tích 375m^2. Biên bản có đại diện chính quyền địa phương ký, đóng dấu, trong biên bản ghi số tờ bản đồ 112, sau khi đối chiếu lại đã gạch bỏ số 2.

Tại khoản 2 Điều 55 Pháp lệnh sửa đổi , bổ sung một số điều của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 04/2008/UBTVQH12 ngày 02 tháng 4 năm 2008 quy định: ”Trong trường hợp người vi phạm hành chính cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không có mặt tại địa điểm xảy ra vi phạm thì biên bản được lập xong phải có chữ ký của đại diện chính quyền cơ sở nơi xảy ra vi phạm hoặc của hai người chứng kiến”.

Như vậy Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013 của UBND phường Đ đã được lập theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với Biên bản số 07/BB-VPHC ngày 09/02/2017, do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết, nên Căn cứ Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính Phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng, kinh doanh bất động sản, khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, Quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, Quản lý phát triển nhà và công sở, ngày 09/02/2017 cán bộ chuyên môn của phường đã đến hiện trường tiến hành đo đạc thực tế, lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 07/BB-VPHC ngày 09/02/2017 theo đúng trình tự. Do ông Phạm Hồng H có mặt nhưng không ký biên bản nên trong biên bản không có chữ ký của người vi phạm. Bà Phạm Thị Việt T được mời với tư cách là trưởng ban công tác mặt trận của tổ dân phố Tân Khê đồng thời cũng là người dân của tổ dân phố T nên bà T ký vào biên bản với tư cách là người chứng kiến là đúng quy định pháp luật. Như vậy Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng, bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 07/BB-VPHC ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ đã được lập theo đúng quy định của pháp luật.

- Biên bản được lập đúng tại nơi xảy ra hành vi vi phạm, nhưng do tại hiện trường không có chỗ để lập biên bản nên đoàn công tác đã đo vẽ xác định vị trí, kích

thước, mô tả chính xác hiện trạng của công trình vi phạm sau đó đoàn vào nhà bà Phạm Thị Việt T (cũng là thành viên trong đoàn công tác) lập biên bản. Biên bản lập xong đã đưa cho người vi phạm là ông H ký nhưng ông H từ chối ký với lý do ông H không vi phạm;

- Ông Nguyễn Vũ H ký vào biên bản vì lý do ông là lãnh đạo UBND phường Đ, trực tiếp chỉ đạo việc lập biên bản nên ông ký vào biên bản là đúng quy định;

- Về số CMND của ông H: UBND phường Đ đã yêu cầu Công an phường Đ cung cấp các thông tin cá nhân của ông H để phục vụ công tác xử lý vi phạm. CMND của ông H được cấp năm 2009, đến năm 2017 (thời điểm lập biên bản) thì CMND vẫn còn thời hạn sử dụng. Năm 2016 ông H làm Thẻ căn cước công dân nhưng cảnh sát khu vực phụ trách địa bàn chưa kịp cập nhật thông tin;

- Về nội dung số thửa đất, tờ bản đồ ghi trong biên bản không đúng với thửa đất ông Hải sử dụng là do khi lập biên bản vi phạm, cán bộ lập biên bản đã ghi nhầm số 11 thành số 112 nhưng đã sửa chữa ngay sau đó.

Đại diện cho người bị kiện UBND phường Đ khẳng định Biên bản số 03 ngày 18/4/2013 và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ lập đúng thẩm quyền, đúng thành phần tham gia, đúng nội dung sự việc nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hồng H đề nghị Tòa án nhân dân quận K bác đơn khởi kiện của ông Phạm Hồng H đối với yêu cầu hủy biên bản số 03 ngày 18/4/2013 và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ, yêu cầu công khai xin lỗi và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- *Ông Nguyễn Vũ H trình bày:* Ông giữ chức vụ Chủ tịch UBND phường Đ từ năm 2014. Đối với Biên bản số 03 ông không trực tiếp chỉ đạo cán bộ UBND phường lập. Tuy nhiên, sau khi nhận nhiệm vụ tại UBND phường Đ, ông đã kiểm tra lại toàn bộ công tác của đơn vị trong thời gian trước và nhận thấy: Ngày 25-02-2011 UBND thành phố Hải Phòng ra Thông báo số 55/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng. Ngày 18-4-2013 UBND phường Đ phát hiện ông Phạm Hồng H thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng nhà ở, công trình trên diện tích đất hoang do UBND phường quản lý, cụ thể là ông H tự ý dựng nhà bằng khung sắt quây tôn và trồng rau trên thửa đất số 74, tờ bản đồ số 11, diện tích 375,1m^2 tại tổ T, phường Đ. Cùng ngày 18-4-2013, cán bộ chuyên môn của UBND phường Đ đã lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ông H ngừng thi công công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng số 03/BB-VPHC. Tham gia lập Biên bản này có ông Hoàng Ngọc L, ông Đặng Quang M và bà Trần Thị H là cán bộ Địa chính-Đô thị, chứng kiến việc lập biên bản có ông Bùi Văn H là tổ trưởng tổ dân phố T. Việc UBND phường Đ lập Biên bản này là phù hợp với quy định tại Nghị định số 23/NĐ-CP ngày 27-02-2009 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng.

Đối với Biên bản số 07 ngày 09-02-2017, do thời điểm này thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết, UBND phường Đ đã đến hiện trường khảo sát, đo đạc thực tế và lập Biên bản vi phạm hành chính và yêu cầu ông H tự phá dỡ công trình vi phạm. Việc UBND phường Đ lập Biên bản số 07 là căn cứ Nghị định 121/2013/NĐ-

CP ngày 10-10-2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng...

Ông Nguyễn Vũ H khẳng định ông đã làm đúng chức trách nhiệm vụ được giao, đúng các quy định của pháp luật nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu của người khởi kiện

Ông Đỗ Văn T, ông Phạm Duy Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quan L thống nhất trình bày: Năm 2013 các ông, bà là cán bộ đang công tác tại UBND phường Đ. Ngày 09-02-2017 các ông bà được lãnh đạo UBND phường Đ chỉ đạo đến hiện trường là công trình vi phạm của ông Phạm Hồng H lập Biên bản vi phạm hành chính. Đoàn công tác đã thực hiện nhiệm vụ và đã đến công trình vi phạm của ông Phạm Hồng H ở tổ T, phường Đ khảo sát, đo vẽ, mô tả hiện trạng và về nhà bà Phạm Thị Việt T (cũng là cán bộ UBND phường Đ) lập Biên bản do hiện trường không có chỗ để lập. Ông Đỗ Văn T, ông Phạm Duy Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang L đều khẳng định việc UBND phường Đồng H lập Biên bản hành chính số 07 ngày 09-02-2017 là đúng đối tượng, đúng chủ thể, đúng hành vi vi phạm nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của người khởi kiện.

Bà Phạm Thị Việt T, ông Bùi Văn C trình bày: Ông, bà nhận được giấy mời của UBND phường Đ mời đến công trình vi phạm của ông Phạm Hồng H để tham gia chứng kiến việc UBND phường lập Biên bản vi phạm hành chính. Ông C và bà T có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong giấy mời và chứng kiến đoàn công tác gồm ông Đỗ Văn T, ông Phạm Duy Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang L đều là cán bộ của phường Đ đo đạc, khảo sát công trình vi phạm và về nhà bà T lập biên bản do hiện trường không có chỗ lập. Sau khi UBND phường Đ lập Biên bản số 07 ngày 09-02-2017 và mời ông, bà chứng kiến với tư cách là người dân tham gia chứng kiến. Ông, bà đã ký vào phần dành cho "Người chứng kiến" vì bà Phạm Thị Việt T là cán bộ của UBND phường Đ nhưng vẫn là người dân đang sinh sống trên địa bàn tổ dân phố T. Ông Bùi Văn C Tổ trưởng tổ dân phố nên việc ký vào biên bản là đúng chức năng, nhiệm vụ. Ông Bùi Văn C, bà Phạm Thị Việt T khẳng định việc UBND phường Đ lập Biên bản hành chính số 07 ngày 09-02-2017 là đúng đối tượng, đúng chủ thể, đúng hành vi vi phạm và khẳng định việc ông bà ký chứng kiến với tư cách là người dân là phù hợp pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của người khởi kiện.

Ông Nguyễn Hùng S vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai ngày 03-01-2020, ông trình bày: Ông là Cán bộ Hội Người cao tuổi của tổ dân phố T. Ông có nhận được giấy mời của UBND phường Đ mời đến công trình vi phạm của ông Phạm Hồng H để tham gia chứng kiến việc UBND phường lập Biên bản vi phạm hành chính. Ngày 09-02-2017 ông có mặt tại hiện trường và chứng kiến đoàn công tác gồm ông Đỗ Văn T, ông Phạm Duy Đ, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Quang L đều là cán bộ của phường Đ đo đạc, khảo sát công trình vi phạm của ông Phạm Hồng H, sau đó đoàn về nhà bà Phạm Thị Việt T lập biên bản do hiện trường không có chỗ lập. Sau khi UBND phường Đồng H lập Biên bản số 07 ngày 09-02-2017 và mời ông chứng kiến với tư cách là người dân tham gia chứng kiến. Ông đã ký vào phần dành cho

"Người chứng kiến". Ông Nguyễn Hùng S khẳng định việc UBND phường Đ lập Biên bản hành chính số 07 ngày 09-02-2017 là đúng đối tượng, đúng chủ thể, đúng hành vi vi phạm nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện và đề nghị Tòa án xem xét bác yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Việc xác định ông Nguyễn Vũ H, ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Duy Đ, ông Bùi Văn C, bà Phạm Thị Việt T, ông Nguyễn Hùng S, ông Nguyễn Quang L là người bị kiện là không đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xác định họ chỉ là người làm chứng trong vụ án. Việc giao quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án cho Viện Kiểm sát và giao quyết định tiếp tục giải quyết vụ án cho các đương sự quá thời hạn luật định.

Đối với đương sự: Người khởi kiện và người bị kiện đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát có quan điểm Biên bản số 03 ngày 18/4/2013 về việc ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm của UBND phường Đ không phải là quyết định hành chính nên không phải là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30; điểm d, đ khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143; Điều 115; Điều 116; khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Hồng H khởi kiện yêu cầu hủy Biên bản số 03 ngày 18/4/2013 của UBND phường Đ về yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Ủy ban nhân dân phường Đ có trụ sở tại phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 1 Điều 31 Luật Tố tụng hành chính yêu cầu khởi kiện của ông H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quyền khởi kiện: Biên bản số 03 và Biên bản số 07 của UBND phường Đ xác định ông Phạm Hồng H là người có hành vi vi phạm, quyền và lợi ích của ông Hải có liên quan đến nội dung Biên bản số 03 và Biên bản số 07 của UBND phường Đ, do vậy ông H có quyền khởi kiện theo khoản 1 Điều 115 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

[3.1] Đối với Biên bản số 03 ngày 18-4-2013: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân quận K, ông Phạm Hồng H trình bày: Khi UBND phường Đ lập Biên bản, ông không được giao cũng không được ai thông báo về nội dung Biên bản. Đến phiên tòa hành chính sơ thẩm do Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng mở ngày 26-9-2018 ông mới được biết. Người bị kiện không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thời điểm giao hoặc thông báo cho ông Phạm Hồng H biết việc UBND phường Đ lập biên bản số 03 ngày 18-4-2013. Như vậy, ngày 26-9-2018 được tính là ngày ông Phạm Hồng H biết nội dung biên bản. Ngày 22-4-2019 ông Phạm Hồng H có văn bản bổ sung đơn khởi kiện nộp cho Tòa án nhân dân quận K yêu cầu Tòa án hủy Biên bản số 03. Như vậy, Biên bản số 03 ngày 18-4-2013 đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3.2] Đối với Biên bản số 07 ngày 09-02-2017: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 13-6-2019 của Tòa án nhân dân quận K, ông Phạm Hồng H trình bày: Sau khi UBND phường Đ lập biên bản, ông không được nhận cũng không được thông báo về nội dung biên bản nên ông không biết việc UBND phường Đ lập biên bản này. Đến ngày 02-11-2017 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ ông mới được biết. Người bị kiện không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh thời điểm giao hoặc thông báo cho ông Phạm Hồng H biết việc UBND phường Đ lập biên bản số 07 ngày 09-02-2017. Do vậy, ngày 02-11-2017 được tính là ngày ông Phạm Hồng H biết được nội dung biên bản. Ngày 06-9-2018 Trung tâm hòa giải quận K nhận được Đơn khởi kiện đề ngày 04-9-2018 của ông Phạm Hồng H. Như vậy, biên bản số 07 ngày 09-02-2017 đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[4] Về việc xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án:

Khi thụ lý vụ án và trong suốt quá trình tố tụng Tòa án đã xác định các ông Nguyễn Vũ H, ông Đỗ Văn T, bà Nguyễn Thị T, ông Phạm Duy Đ, ông Bùi Văn C, bà Phạm Thị Việt T, ông Nguyễn Hùng S, ông Nguyễn Quang L là người bị kiện. Nhưng tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy biên bản 07 là văn bản của UBND phường Đ, những ông bà này là cán bộ của UBND phường Đ làm việc theo chức trách nhiệm vụ được giao và theo sự chỉ đạo của lãnh đạo UBND phường Đ. Do vậy, nếu có phát sinh trách nhiệm bồi thường thì UBND phường Đ phải bồi thường chứ không phải những người tham gia lập biên bản phải bồi thường nên Hội đồng xét xử xác định họ chỉ là người làm chứng trong vụ án.

- Về nội dung: Xét tính hợp pháp của Biên bản số 03 ngày 18/4/2013 của UBND phường Đ về yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm.

[5] Về thẩm quyền lập Biên bản: Căn cứ khoản 1 Điều 16 Chương IV Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 quy định thẩm quyền xử lý vi phạm trật tự xây dựng Đô thị thì Thanh tra viên, cán bộ quản lý xây dựng cấp xã có thẩm quyền

lập biên bản ngừng thi công xây dựng công trình, yêu cầu chủ đầu tư phá dỡ công trình vi phạm, như vậy cán bộ chuyên môn của UBND phường Đ lập biên bản số 03 ngày 18/4/2013 về yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm là đúng thẩm quyền.

[6] Về trình tự, thủ tục lập Biên bản:

Ngày 25/02/2011 UBND thành phố Hải Phòng thông báo số 55/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng. Ngày 26/5/2012 Ban quản lý dự án các công trình giao thông vận tải, Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tiến hành bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho UBND quận K. Thực hiện công văn số 344/UBND-VP ngày 29/5/2012 của UBND quận K, ngày 02/6/2012 UBND phường Đ tiến hành xác định các mốc giới trên thực địa và giao cho các tổ dân phố quản lý thường xuyên kiểm tra. Ngày 18/4/2013, UBND phường Đ phát hiện ông Phạm Hồng H dựng nhà khung sắt quây tôn, mái lợp tôn trên diện tích đất hoang bằng do UBND phường Đ quản lý tại tổ T phường Đ. Cán bộ chuyên môn của UBND phường Đ đã đến hiện trường tiến hành xem xét đo đạc xác định chi tiết đặc điểm, diện tích và vị trí công trình vi phạm, lập Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013. Thành phần cán bộ UBND phường gồm có: Ông Hoàng Ngọc L, ông Đặng Quang M, bà Trần Thị H là cán bộ Địa chính- Đô thị, ông Bùi Văn H là tổ trưởng tổ T. Biên bản có đại diện chính quyền địa phương ký, đóng dấu. Tại bản tự khai ông L, ông M, bà H và ông H đều xác nhận việc lập biên bản số 03 ngày 18/4/2013 là hoàn toàn đúng quy định pháp luật. Sau khi lập biên bản ông Phạm Hồng H không chấp hành mà vẫn tiếp tục quản lý sử dụng nhà và thửa đất nêu trên. Đến năm 2017 do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết nên ngày 09/02/2017 cán bộ chuyên môn của UBND phường Đ lập biên bản số 07 về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Như vậy căn cứ Điều 29, Điều 30, Điều 55, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2013, căn cứ khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 12 Nghị định 180/2007/NĐ-CP, ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng Đô thị UBND phường Đ lập hai Biên bản số 03 và biên bản số 07 là đúng trình tự thủ tục.

[7] Về căn cứ lập biên bản:

Ngày 25/02/2011 UBND thành phố Hải Phòng thông báo số 55/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng. Ngày 26/5/2012 Ban quản lý dự án các công trình giao thông vận tải, Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường tiến hành bàn giao mốc giới giải phóng mặt bằng cho UBND quận K. Thực hiện công văn số 344/UBND-VP ngày 29/5/2012 của UBND quận K, ngày 02/6/2012 UBND phường Đ tiến hành xác định các mốc giới trên thực địa và giao cho các tổ dân phố quản lý thường xuyên kiểm tra. Ngày 18/4/2013, UBND phường Đ phát hiện ông Phạm Hồng H dựng nhà khung sắt quây tôn, mái lợp tôn mạ màu, diện tích 7,6m x11m, cao 2,95m, vị trí công trình trên

thửa đất 74, tờ bản đồ số 11, diện tích 187,2m^2. Diện tích đất này tại bản án số 216/2019/HC-PT ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội đã xác định là đất hoang bằng do UBND phường Đ quản lý; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 79 Luật Tố tụng hành chính. Tại thời điểm ông Hải dựng nhà trên diện tích đất này thì UBND phường Đ cùng với các cơ quan chức năng đã tiến hành xác định cắm mốc giới cho dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng. Như vậy hành vi làm nhà ở của ông Phạm Hồng H không có giấy phép trên đất hoang bằng do UBND phường Đ quản lý và thời điểm làm nhà sau thời điểm cắm mốc quy hoạch dự án là vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị định 180/2007/NĐ-CP ngày 07/12/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về xử lý vi phạm trật tự xây dựng Đô thị nên cán bộ chuyên môn phường Đ đã lập biên bản số 03 ngày 18/4/2013 về yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng. Sau khi lập biên bản số 03 ông Phạm Hồng H không chấp hành mà vẫn tiếp tục quản lý sử dụng nhà và thửa đất nêu trên. Đến năm 2017 do thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đã hết nên ngày 09/02/2017 cán bộ chuyên môn của UBND phường Đ lập biên bản số 07 về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm. Như vậy Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013 và Biên bản về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ lập là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích tại mục [5], [6], [7] Hội đồng xét xử xác định Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013 và Biên bản về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ lập là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục và có căn cứ pháp luật.

[8] Hội đồng xét xử xét thấy Biên bản vi phạm hành chính và ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013 và Biên bản về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ không phải là quyết định hành chính mà là hành vi hành chính theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án hủy Biên bản số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013 và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND phường Đ có trách nhiệm bồi thường số tiền đất bị thu hồi: 187,2m^2 x 35.000.000 = 6.552.000.000 đồng và giá trị căn nhà tôn bị tháo dỡ: 80m^2 x 3.000.000đ = 240.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu này của người khởi kiện đã được giải quyết tại bản án hành chính sơ thẩm số 25/2018/HC-ST của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và bản án hành chính phúc thẩm số 216/2019/HC-PT ngày 10/9/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà

Nội nên căn cứ điểm d khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính nên không xem xét giải quyết.

[10] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc UBND phường Đ gỡ bỏ, cải chính thông tin và xin lỗi công khai. Hội đồng xét xử xét yêu cầu này không thuộc thẩm quyền giải quyết của vụ án hành chính nên không xem xét giải quyết.

[11] Đối với yêu cầu khởi kiện buộc những người lập biên bản số 07 ngày 09/02/2017 bồi thường tiền tổn thất về tinh thần: Tại nội dung phân tích mục [8] Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu hủy Biên bản số 03/BB-VPHC ngày 18/4/2013 và Biên bản số 07 ngày 09/02/2017 của UBND phường Đ vì vậy không xem xét yêu cầu bồi thường thiệt hại liên quan đến 02 biên bản này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần của người khởi kiện.

[12] Về án phí: Ông Phạm Hồng H không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 30; điểm d, đ khoản 1 Điều 123 và điểm h khoản 1 Điều 143; Điều 115; Điều 116; Khoản 2 Điều 165 Điều 194 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án về việc yêu cầu hủy Biên bản số 03 ngày 18/4/2013 về yêu cầu ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm và khắc phục kịp thời hành vi vi phạm trật tự xây dựng và Biên bản số 07 ngày 09-02-2017 về việc vi phạm hành chính và yêu cầu tự phá dỡ công trình xây dựng và bộ phận công trình xây dựng vi phạm của Ủy ban nhân dân phường Đ, quận K; yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu cải chính thông tin, xin lỗi công khai.

2. Về án phí: Ông Phạm Hồng H không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại ông Phạm Hồng H số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số 0010299 ngày 12-12-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THA dân sự quận K;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Tỉnh